

DANH SÁCH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2024-2025

SBD	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Trường THCS	UTK K	Ngữ văn	Toán	Tiếng anh	Tổng	TT Đố	Kết quả sơ duyệt
550001	NGUYỄN VĂN AN		06/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	8.5	9.7	42.7	51	Đỗ
550003	PHẠM THU AN	X	04/02/2009	Trường THCS Xuân Ninh	0	8	9.25	6.6	41.1	108	Đỗ
550004	PHẠM THÚY AN	X	30/12/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	0	7.5	8	7.2	38.2	245	Đỗ
550007	ĐINH VIỆT ANH		27/12/2008	Trường THCS Xuân Tiến	0	6.25	6.5	6.8	32.3	513	Đỗ
550008	ĐINH VIỆT ANH		26/12/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	7.25	8.25	6.4	37.4	283	Đỗ
550009	ĐỖ PHƯƠNG ANH	X	13/09/2009	Trường THCS Xuân Phương	0	8.25	8	5.6	38.1	250	Đỗ
550010	MAI TUẤN ANH		23/10/2008	Trường THCS Xuân Tiến	0	7.25	8.5	5	36.5	334	Đỗ
550012	NGUYỄN HOÀI ANH	X	25/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9	8.75	8.7	44.2	23	Đỗ
550013	NGUYỄN HỒNG ANH	X	22/01/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8	7.25	3	33.5	478	Đỗ
550014	NGUYỄN QUỲNH ANH	X	04/03/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	8.75	8.25	9.9	43.9	28	Đỗ
550016	NGUYỄN TUẤN ANH		24/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	9.5	7.7	43.7	31	Đỗ
550018	PHẠM HẢI ANH	X	13/12/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	7.75	9	9.5	43	45	Đỗ
550019	PHẠM PHƯƠNG ANH	X	16/04/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	7.5	8.25	6.1	37.6	276	Đỗ
550020	PHẠM QUỲNH ANH	X	14/05/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	7.25	6.75	6	34	457	Đỗ
550021	PHẠM VIỆT ANH		05/01/2009	Trường THCS Xuân Ninh	0	7.75	7	7.1	36.6	329	Đỗ
550022	TRẦN ĐỨC ANH		05/01/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.75	7.25	8	40	156	Đỗ
550023	TRẦN HÀ ANH	X	21/09/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	0	7.25	7.5	3.4	32.9	501	Đỗ
550024	TRẦN MAI ANH	X	21/09/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	7.75	7.75	9.5	40.5	134	Đỗ
550025	TRẦN PHƯƠNG ANH	X	23/11/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	8.5	8.25	7.9	41.4	96	Đỗ
550026	TRỊNH ĐỨC ANH		27/09/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	8.75	7.75	6.6	39.6	176	Đỗ
550027	TRỊNH PHƯƠNG ANH	X	05/10/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	8.75	7.5	7.1	39.6	176	Đỗ
550028	VŨ LAN ANH	X	25/08/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.5	7.75	8.5	41	113	Đỗ
550029	VŨ NAM ANH		05/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.5	8.25	4.4	35.9	357	Đỗ
550030	VŨ NGỌC ANH	X	04/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	8	6.1	39.6	176	Đỗ
550032	VŨ QUỲNH ANH	X	03/10/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	6.5	8	3.4	32.4	509	Đỗ

550033	VŨ THẾ ANH		15/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	7.5	7.1	37.6	276	Đỗ
550034	VŨ TUẤN ANH		09/01/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	7.25	8.75	5	37	312	Đỗ
550035	VŨ TUẤN ANH		02/11/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	7	8	4.8	34.8	411	Đỗ
550036	VŨ VIỆT ANH		12/08/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	7.25	6.25	7	34	457	Đỗ
550037	PHAN VŨ HÀ ANH	X	13/10/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	8	6.75	9.9	39.4	187	Đỗ
550039	MAI THỊ KIM ANH	X	20/06/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	7.5	7.5	6.4	36.4	338	Đỗ
550040	PHẠM THỊ KIM ANH	X	08/05/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	7.75	7.5	6.6	37.1	304	Đỗ
550041	BÙI THỊ LAN ANH	X	29/08/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	7.75	7.5	6.8	37.3	290	Đỗ
550042	ĐỖ NGỌC LAN ANH	X	08/08/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	7.5	6.25	7.2	34.7	422	Đỗ
550044	NGUYỄN ĐOÀN NGỌC ANH		22/09/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	7.75	7.5	2.3	32.8	503	Đỗ
550045	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	X	18/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	8.75	6.4	40.9	115	Đỗ
550046	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	X	22/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9	8.25	5.7	40.2	146	Đỗ
550048	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	X	01/11/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	8.25	7.5	7.6	39.1	203	Đỗ
550049	NGUYỄN VŨ THẢO ANH	X	25/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	8.5	7.8	41.8	82	Đỗ
550050	TRẦN THỊ TRÂM ANH	X	12/06/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	7.75	9	8.1	41.6	88	Đỗ
550051	TRẦN NGUYỄN TRUNG ANH		30/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	8	8.6	40.6	127	Đỗ
550052	PHẠM THỊ TRÚC ANH	X	25/08/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	7.75	7.75	3.9	34.9	408	Đỗ
550053	PHẠM THỊ VÂN ANH	X	01/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	9.5	6.3	42.3	68	Đỗ
550054	TRẦN THỊ VÂN ANH	X	09/02/2009	Trường THCS Xuân Hòa	0	7.5	6.5	4	32	527	Đỗ
550056	PHẠM NGỌC ÁNH	X	18/10/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	0	7	7.75	3.1	32.6	506	Đỗ
550057	PHẠM NGUYỆT ÁNH	X	02/01/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8	9	4.6	38.6	227	Đỗ
550058	TRẦN MINH ÁNH	X	06/09/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.25	8	4.1	36.6	329	Đỗ
550059	VŨ MINH ÁNH	X	10/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	8.75	9.1	43.6	33	Đỗ
550060	VŨ THỊ MINH ÁNH	X	13/09/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	7.25	7.75	4.1	34.1	452	Đỗ
550061	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	X	13/02/2009	Trường THCS Xuân Phương	0	8	7.5	5.2	36.2	348	Đỗ
550062	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	X	08/09/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.25	8	8.7	41.2	104	Đỗ
550063	NGUYỄN QUỐC ÂN		26/10/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8	8	7.7	39.7	169	Đỗ
550065	ĐẶNG GIA BẢO		14/04/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	7.25	7.25	8.2	37.2	300	Đỗ

550066	ĐINH GIA BẢO		05/04/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	8.75	8.75	3.8	38.8	220	Đỗ
550067	ĐINH QUANG BẢO		01/01/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	7.25	7.75	1.8	31.8	537	Đỗ
550068	ĐOÀN NGUYỄN BẢO		10/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	9	7.8	43.3	39	Đỗ
550069	ĐỖ GIA BẢO		18/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	8.25	7.1	39.1	203	Đỗ
550071	NGUYỄN XUÂN BẢO		25/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	8.25	7.3	39.3	192	Đỗ
550073	TRƯƠNG QUỐC BẢO		08/07/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8	7.5	6.6	37.6	276	Đỗ
550074	VŨ THIÊN BẢO		19/03/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	7.5	8	5.4	36.4	338	Đỗ
550075	VŨ THANH BẰNG		19/08/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	7	7.75	3.9	33.4	483	Đỗ
550077	PHAN THỊ NGỌC BÍCH	X	08/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.25	6.5	4.8	32.3	513	Đỗ
550078	NGUYỄN ĐĂNG BÌNH		04/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	6.75	7	6	33.5	478	Đỗ
550080	PHAN TRẦN BÌNH		16/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7	8.25	6	36.5	334	Đỗ
550081	VŨ GIA BÌNH	X	02/01/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	7.75	6.25	7.7	35.7	365	Đỗ
550082	PHẠM MAI CHÂM	X	17/03/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8	6	4	32	527	Đỗ
550084	LÃ BẢO CHÂU	X	08/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9	8.25	9.4	43.9	28	Đỗ
550085	LƯƠNG NGỌC CHÂU		11/12/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	8	8	5.2	37.2	300	Đỗ
550086	NGUYỄN BẢO NGỌC CHÂU	X	26/10/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.75	8.25	6.7	38.7	222	Đỗ
550089	NGUYỄN HÀ CHI	X	09/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	7.25	5.9	35.9	357	Đỗ
550090	NGUYỄN KHÁNH CHI	X	20/06/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8	8.25	9	41.5	91	Đỗ
550091	NGUYỄN LINH CHI	X	30/01/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	8.5	8	8.7	41.7	84	Đỗ
550092	NGUYỄN THÙY CHI	X	12/02/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.75	8	9.1	42.6	56	Đỗ
550093	PHẠM KIM CHI	X	02/01/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	8.75	9	6.9	42.4	63	Đỗ
550095	NGUYỄN NGỌC LINH CHI	X	02/07/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	8.25	8.25	7.2	40.2	146	Đỗ
550096	PHẠM TRẦN PHƯƠNG CHI	X	18/01/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	9	9.5	8.8	45.8	7	Đỗ
550097	VŨ THỊ PHƯƠNG CHI	X	03/12/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	7.5	7.75	4.5	35	402	Đỗ
550098	ĐINH THỊ QUỲNH CHI	X	14/03/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	8.5	7.5	2.8	34.8	411	Đỗ
550100	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	X	22/03/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.5	7.75	7.4	39.9	161	Đỗ
550101	TRẦN MINH CHIẾN		26/03/2009	Trường THCS Xuân Vinh	0	7.75	6.75	2.8	31.8	537	Đỗ
550102	ĐỖ PHƯƠNG CHINH	X	14/03/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	8.25	6	9	37.5	279	Đỗ

550103	TỔNG PHƯƠNG CHINH	X	17/05/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	8.25	9.5	9.5	45	12	Đỗ
550104	VŨ PHƯƠNG CHINH	X	28/04/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	7.75	8.25	7.3	39.3	192	Đỗ
550105	TRẦN THỊ KIỀU CHINH	X	05/12/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	7.75	7.75	5.6	36.6	329	Đỗ
550107	ĐINH ĐỨC CHÍNH		19/02/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	6.25	8	4.4	32.9	501	Đỗ
550108	NGUYỄN CHÍ CÔNG		06/04/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.5	8	6.2	37.2	300	Đỗ
550109	PHẠM THÀNH CÔNG		29/09/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	6.5	7.25	6.4	33.9	462	Đỗ
550111	TRẦN ĐÌNH CUNG		19/03/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	7	7.75	7.9	37.4	283	Đỗ
550113	NGUYỄN BÍCH DIỆP	X	02/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	6	5.7	34.2	444	Đỗ
550114	LÊ TRẦN BẠCH DIỆP	X	23/11/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	8.5	7.25	7.4	38.9	216	Đỗ
550116	LÊ HUYỀN DIỆU	X	02/06/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8	7.75	7.2	38.7	222	Đỗ
550117	NGUYỄN HUYỀN DIỆU	X	30/06/2009	Trường THCS Xuân Ninh	0	8.25	8	3.4	35.9	357	Đỗ
550119	VŨ THÚY DIỆU	X	18/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	7.75	7.5	40	156	Đỗ
550120	NGUYỄN THỊ HUYỀN DIỆU	X	15/07/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.75	8.25	6.6	38.6	227	Đỗ
550121	PHẠM THỊ HUYỀN DIỆU	X	09/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.25	5.75	6.2	32.2	519	Đỗ
550122	VŨ THỊ HUYỀN DIỆU	X	05/06/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	7.5	8.25	9.4	40.9	115	Đỗ
550123	ĐÀO THỊ TỐ DIỆM	X	15/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	8.75	9.6	43.6	33	Đỗ
550124	VŨ HẢI DOANH		03/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	8	7	38.5	231	Đỗ
550125	ĐẶNG THÙY DUNG	X	25/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9	8	9.3	43.3	39	Đỗ
550128	NGUYỄN NGỌC DUY		23/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	6.25	5.4	33.9	462	Đỗ
550131	TRẦN NHẬT DUY		12/03/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.75	7.5	5	37.5	279	Đỗ
550132	VŨ ĐỨC DUY		21/09/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	7.5	8.25	4.1	35.6	370	Đỗ
550133	VŨ NGỌC DUY		21/11/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	7.75	8.25	7.6	39.6	176	Đỗ
550134	PHẠM MỸ DUYÊN	X	09/05/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8.25	7.5	5	36.5	334	Đỗ
550135	PHẠM THỊ MAI DUYÊN	X	28/07/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	9	6.25	2.6	33.1	497	Đỗ
550136	ĐỖ MẠNH DŨNG		11/03/2009	Trường THCS Xuân Ninh	0	8	6.25	4.8	33.3	488	Đỗ
550137	LÊ TẤN DŨNG		02/04/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.25	8.75	9.9	41.9	77	Đỗ
550138	PHAN TIẾN DŨNG		30/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	7.75	4.7	35.7	365	Đỗ
550139	PHẠM TIẾN DŨNG		06/04/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	7.75	7	6.5	36	355	Đỗ

550140	LÊ NGUYỄN TIẾN DŨNG		02/09/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	7.75	7.75	3.8	34.8	411	Đỗ
550141	BÙI ĐỨC DƯƠNG		13/04/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	7.5	8	5.2	36.2	348	Đỗ
550142	NGÔ VĂN DƯƠNG		27/05/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	8	9	7.1	41.1	108	Đỗ
550144	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG		17/12/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	7.25	8	3.7	34.2	444	Đỗ
550145	NGUYỄN THANH DƯƠNG		02/06/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.25	7.75	3.4	33.4	483	Đỗ
550146	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	X	24/10/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	7.75	8.25	5.4	37.4	283	Đỗ
550147	NGUYỄN VIỆT DƯƠNG		25/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	8.25	4.6	37.1	304	Đỗ
550148	PHẠM ÁNH DƯƠNG	X	29/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	6.75	8	5.4	34.9	408	Đỗ
550149	PHẠM THÙY DƯƠNG	X	15/11/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8.5	9	9.5	44.5	18	Đỗ
550150	VŨ CÔNG DƯƠNG		18/08/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8	8.25	8.3	40.8	120	Đỗ
550153	LÃ CHẤN ĐẠI		08/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	8.5	8.7	42.7	51	Đỗ
550154	LÊ QUỐC ĐẠI		14/10/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	0	6.75	7.75	7.2	36.2	348	Đỗ
550155	LƯƠNG DUY ĐẠI		18/10/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	8.25	6.75	6.9	36.9	316	Đỗ
550157	NGUYỄN XUÂN ĐẠI		31/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	8.75	5	38.5	231	Đỗ
550158	ĐẶNG THÀNH ĐẠT		29/01/2009	Trường THCS Xuân Ninh	0	8.25	9	6.6	41.1	108	Đỗ
550159	ĐẶNG XUÂN ĐẠT		20/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	8	6.5	38.5	231	Đỗ
550160	LÊ TIẾN ĐẠT		12/01/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	5.75	8.25	4.4	32.4	509	Đỗ
550161	NGUYỄN TIẾN ĐẠT		25/01/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	8	7.5	8.2	39.2	196	Đỗ
550162	PHẠM MINH ĐẠT		02/01/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	7.75	6.5	6.3	34.8	411	Đỗ
550163	PHẠM QUỐC ĐẠT		16/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	7.5	7.5	39.5	180	Đỗ
550164	PHẠM THẾ ĐẠT		25/05/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	8.5	9.25	8	43.5	36	Đỗ
550165	TRỊNH THÀNH ĐẠT		21/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	7	3.7	33.2	489	Đỗ
550166	VŨ CAO THÀNH ĐẠT		02/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	4.75	6.1	32.6	506	Đỗ
550167	LÊ PHAN THẾ ĐẠT		13/03/2009	Trường THCS Xuân Phương	0	8.5	6.25	2.6	32.1	524	Đỗ
550168	CHU ĐẶNG THÚY ĐẠT	X	27/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9	8.5	9.6	44.6	17	Đỗ
550169	ĐẶNG HẢI ĐĂNG		23/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	8.25	6.7	39.2	196	Đỗ
550170	ĐẶNG MINH ĐĂNG		08/07/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	6.75	8.25	3.8	33.8	469	Đỗ
550172	NGUYỄN HẢI ĐĂNG		20/05/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.25	8.25	9.6	42.6	56	Đỗ

550173	TRẦN TIẾN ĐỊNH		08/10/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.25	8	6	38.5	231	Đỗ
550174	MAI XUÂN ĐỊNH		26/09/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	7.25	6.75	6.8	34.8	411	Đỗ
550175	VŨ VĂN ĐOÀN		04/06/2009	Trường THCS Xuân Vinh	0	7.75	8	3.6	35.1	398	Đỗ
550176	ĐINH HOÀNG ĐÔ		08/08/2009	Trường THCS Xuân Phương	0	7.5	7.75	4.3	34.8	411	Đỗ
550177	TRẦN NGỌC ĐÔ		18/04/2009	Trường THCS Xuân Phương	0	7.5	8.25	6.2	37.7	272	Đỗ
550178	LÃ VIỆT ĐỨC		03/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7	8.5	3.8	34.8	411	Đỗ
550179	NGUYỄN MINH ĐỨC		04/05/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	7	7	6.2	34.2	444	Đỗ
550180	TRẦN VIỆT GIA		29/09/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	6.5	8.25	5.5	35	402	Đỗ
550181	ĐẶNG HƯƠNG GIANG	X	05/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	8.25	4.8	37.8	268	Đỗ
550182	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	X	07/09/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.25	8.25	7.5	40.5	134	Đỗ
550183	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG		30/03/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	9	8.5	9.8	44.8	15	Đỗ
550184	TRẦN ĐỨC GIANG		12/12/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	0	8.5	7.25	3.8	35.3	385	Đỗ
550185	VŨ HƯƠNG GIANG	X	05/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	5.5	5.6	33.6	473	Đỗ
550186	VŨ THU GIANG	X	06/08/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	8	7	5.7	35.7	365	Đỗ
550189	NGUYỄN QUỲNH GIAO	X	07/07/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8.5	7.75	7	39.5	180	Đỗ
550191	ĐẶNG ĐỨC HANH		24/01/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	7.75	8.25	8.5	40.5	134	Đỗ
550192	ĐỖ NGỌC HÀ	X	17/04/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	8	5.75	4.6	32.1	524	Đỗ
550193	ĐỖ NGỌC HÀ	X	01/09/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8.5	8.25	7.2	40.7	123	Đỗ
550196	NGUYỄN NGỌC HÀ	X	14/07/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	7.5	6.5	6.2	34.2	444	Đỗ
550197	PHẠM THU HÀ	X	05/01/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8	7.75	8.5	40	156	Đỗ
550198	CHU THỊ NGÂN HÀ	X	03/09/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.25	7.75	8.5	38.5	231	Đỗ
550199	ĐẶNG THỊ THANH HÀ	X	09/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	8	8.4	40.4	137	Đỗ
550200	LÊ VIỆT HÀN		23/04/2009	Trường THCS Xuân Ninh	0	7.5	8	5.8	36.8	321	Đỗ
550201	PHẠM MINH HẠNH	X	02/02/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	8	8.25	5.6	38.1	250	Đỗ
550202	HOÀNG TRUNG HẢI		07/03/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	7.5	8.25	6.8	38.3	243	Đỗ
550204	PHẠM HOÀNG HẢI		14/02/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	7.5	8.25	7.2	38.7	222	Đỗ
550205	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HẢO	X	12/11/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	7.75	8.25	4.4	36.4	338	Đỗ
550206	ĐINH NGỌC HÂN	X	20/09/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8.25	9.5	8.6	44.1	25	Đỗ

550208	PHẠM THỊ HẰNG	X	09/10/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	7	8.25	6.3	36.8	321	Đỗ
550211	ĐỖ TRUNG HIẾU		11/10/2009	Trường THCS Xuân Ninh	0	7.75	6	4.8	32.3	513	Đỗ
550212	LÊ MINH HIẾU		09/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	8	3	34.5	431	Đỗ
550214	MAI TRUNG HIẾU		12/05/2009	Trường THCS Xuân Ninh	0	6.75	7.75	6.2	35.2	394	Đỗ
550216	NGUYỄN ĐỨC HIẾU		26/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	7.75	5.5	38.5	231	Đỗ
550217	NGUYỄN MINH HIẾU		20/04/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	8.5	6.75	4.8	35.3	385	Đỗ
550218	NGUYỄN MINH HIẾU		22/11/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	8.5	7.5	5	37	312	Đỗ
550219	NGUYỄN VĂN HIẾU		29/11/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	0	8.5	6.5	3	33	499	Đỗ
550220	PHẠM TRUNG HIẾU		11/03/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	7.25	9	6.6	39.1	203	Đỗ
550222	PHẠM THỊ HIỀN	X	24/03/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.25	8.5	8	41.5	91	Đỗ
550223	ĐÀO THỊ THU HIỀN	X	01/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	8.25	4.3	37.3	290	Đỗ
550224	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	X	18/05/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	7.75	8.5	2.8	35.3	385	Đỗ
550225	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	X	08/09/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	8.25	8.25	7.6	40.6	127	Đỗ
550226	ĐINH NGỌC HIỆN		15/10/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	7.75	7	5.2	34.7	422	Đỗ
550229	NGÔ ĐỨC HIỆU		23/11/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	6.75	8.25	3.2	33.2	489	Đỗ
550230	TRẦN HUY HIỆU		18/06/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	8	8.25	4.8	37.3	290	Đỗ
550231	NGUYỄN MINH HIỀN		02/08/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.5	8.25	4.9	36.4	338	Đỗ
550232	TRỊNH THỊ HOA	X	17/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	8.25	7.7	41.2	104	Đỗ
550234	PHẠM THỊ THU HOÀI	X	15/05/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	7.5	8.25	7.5	39	213	Đỗ
550237	NGUYỄN HUY HOÀNG		03/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	8.75	7.9	42.4	63	Đỗ
550238	PHẠM HUY HOÀNG		24/11/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	8.25	9	6.4	40.9	115	Đỗ
550239	TRẦN HUY HOÀNG		25/06/2009	Trường THCS Xuân Phú	0	8	8.25	4.9	37.4	283	Đỗ
550240	ĐINH THỊ HIỀN HÒA	X	18/09/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	7.5	8.25	4.7	36.2	348	Đỗ
550241	NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA	X	23/03/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8.5	7.75	5.6	38.1	250	Đỗ
550242	ĐINH THỊ HUẾ	X	01/02/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	7.75	6.5	4.9	33.4	483	Đỗ
550243	ĐẶNG GIA HUY		04/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	7	8.7	39.7	169	Đỗ
550245	NGUYỄN NAM HUY		24/04/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	8.25	8.8	42.3	68	Đỗ
550247	TRẦN QUANG HUY		28/05/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8	6.5	5.5	34.5	431	Đỗ

550248	NGUYỄN DIỆU HUYỀN	X	03/07/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	9	9	8.5	44.5	18	Đỗ
550250	PHẠM KHÁNH HUYỀN	X	29/11/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	7.75	8.75	7.4	40.4	137	Đỗ
550251	TRẦN THANH HUYỀN	X	07/10/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8.75	7.25	5.8	37.8	268	Đỗ
550254	ĐỖ QUANG HUYNH		23/11/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	7.25	8	9	39.5	180	Đỗ
550255	BÙI XUÂN HÙNG		18/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9	9	9.9	45.9	5	Đỗ
550257	NGUYỄN VIỆT HÙNG		31/08/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	9	9.75	9.8	47.3	1	Đỗ
550258	TRỊNH NHẬT HÙNG		24/04/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	6.75	7.5	4.2	32.7	504	Đỗ
550259	LƯƠNG GIA HÙNG		30/11/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	6.75	7.75	5.8	34.8	411	Đỗ
550260	PHẠM KHÁNH HÙNG		13/03/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	7.5	9	3.9	36.9	316	Đỗ
550262	TRẦN THU HƯƠNG	X	10/08/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	7.75	6.5	6.9	35.4	379	Đỗ
550263	LƯƠNG THỊ THÙY HƯƠNG	X	20/05/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	7.5	6	7.4	34.4	437	Đỗ
550265	PHẠM THỊ THU HƯỜNG	X	16/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9	9	7.5	43.5	36	Đỗ
550267	PHẠM MINH KHANG		12/08/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	6.5	8	4.2	33.2	489	Đỗ
550268	VŨ VĂN KHANG		08/03/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	8.5	8	8.5	41.5	91	Đỗ
550269	BÙI DUY KHÁNH		07/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	8.5	6.2	39.7	169	Đỗ
550270	NGUYỄN DUY KHÁNH		16/02/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.75	8.25	9.1	43.1	43	Đỗ
550271	NGUYỄN NAM KHÁNH		17/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	7.75	5.8	36.8	321	Đỗ
550272	NGUYỄN NGỌC KHÁNH		14/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	8.75	8	41.5	91	Đỗ
550273	NGUYỄN NGỌC KHÁNH		18/06/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	6.75	7.5	3.5	32	527	Đỗ
550275	PHẠM KIM KHÁNH	X	03/01/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8	6.5	6.4	35.4	379	Đỗ
550277	ĐẶNG THỊ KIM KHÁNH	X	24/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	10	9.4	45.9	5	Đỗ
550278	TRỊNH VŨ QUỐC KHÁNH		30/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	7.5	8.4	39.9	161	Đỗ
550279	NGUYỄN THỊ VÂN KHÁNH	X	07/01/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	7.25	7.75	5.8	35.8	362	Đỗ
550280	LƯƠNG TUẤN KHẢI		02/06/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	7.5	8.25	5.8	37.3	290	Đỗ
550281	ĐỖ ĐĂNG KHOA		20/09/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	6.75	6.75	6.6	33.6	473	Đỗ
550283	TRẦN ĐĂNG KHOA		07/01/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8	8.75	8.9	42.4	63	Đỗ
550285	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG KHOA		21/11/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8	7.75	6.7	38.2	245	Đỗ
550286	NGUYỄN ANH KIÊN		09/01/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.75	7.75	8.2	39.2	196	Đỗ

550287	NGUYỄN ANH KIỀU		28/02/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8.25	8	6.6	39.1	203	Đỗ
550290	ĐỖ THỊ HOÀI LAN	X	09/10/2008	Trường THCS Xuân Ngọc	0	7.5	6.75	4.9	33.4	483	Đỗ
550291	NGUYỄN THỊ MAI LAN	X	01/01/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	9	9	8.2	44.2	23	Đỗ
550293	NGUYỄN THÀNH LÂM		02/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	6.75	8	4.7	34.2	444	Đỗ
550294	NGUYỄN VŨ BẢO LÂM		28/09/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	8.25	8	8.7	41.2	104	Đỗ
550295	ĐINH NHẬT LỆ	X	14/09/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	7	6.5	6	33	499	Đỗ
550297	VŨ THỊ NHẬT LỆ	X	20/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	7.5	4.2	34.7	422	Đỗ
550298	PHAN NGỌC LIÊN	X	24/10/2009	Trường THCS Xuân Phương	0	8.75	7.25	7.3	39.3	192	Đỗ
550299	TRIỆU THỊ KIM LIÊN	X	14/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	1	8.75	6.5	7.2	38.7	222	Đỗ
550300	VŨ THỊ MAI LIÊN	X	30/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9.25	7.75	7.6	41.6	88	Đỗ
550301	ĐỖ HÀ LINH	X	07/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	8.25	7.3	40.3	143	Đỗ
550302	ĐỖ KHÁNH LINH	X	01/01/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8.25	7.5	7.2	38.7	222	Đỗ
550304	HOÀNG THUYỀN LINH	X	17/06/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	0	8.5	6.5	3.9	33.9	462	Đỗ
550305	NGUYỄN MAI LINH	X	18/12/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	8.5	7.5	9.8	41.8	82	Đỗ
550306	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	X	05/04/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	7.5	8.25	5.8	37.3	290	Đỗ
550307	NGUYỄN THUYỀN LINH	X	21/04/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.5	7.5	8.3	40.3	143	Đỗ
550308	PHẠM HÀ LINH	X	24/02/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.25	7.75	7.2	39.2	196	Đỗ
550310	PHẠM THUYỀN LINH	X	17/10/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8.75	8	3.6	37.1	304	Đỗ
550311	PHẠM THUYỀN LINH	X	08/11/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	8	7.5	4.2	35.2	394	Đỗ
550312	TRẦN MAI LINH	X	02/04/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	4.5	5.3	31.8	537	Đỗ
550313	VŨ DIỆU LINH	X	12/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	7.75	6.9	37.9	261	Đỗ
550314	VŨ HÀ LINH	X	21/05/2009	Trường THCS Xuân Thủy	1	7.5	7.5	4.3	35.3	385	Đỗ
550315	VŨ KHÁNH LINH	X	25/08/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8	6.75	5.6	35.1	398	Đỗ
550316	PHẠM THỊ DIỆU LINH	X	27/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.5	5	7.5	32.5	508	Đỗ
550317	NGUYỄN THỊ HÀ LINH	X	24/05/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.75	6.75	4.9	33.9	462	Đỗ
550319	ĐOÀN HÒA MAI LINH	X	08/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	5.75	5.3	32.3	513	Đỗ
550321	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	X	01/12/2009	Trường THCS Xuân Đài	0	8	7	4.2	34.2	444	Đỗ
550322	PHAN THỊ PHƯƠNG LINH	X	02/04/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9.25	6.5	7.6	39.1	203	Đỗ

550325	ĐẶNG MINH LONG		09/10/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	7.75	7.75	4	35	402	Đỗ
550326	ĐINH HOÀNG LONG		01/04/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	9	5.75	2.4	31.9	533	Đỗ
550327	ĐỖ THÀNH LONG		17/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	9.5	9.1	45.1	10	Đỗ
550328	NGUYỄN BẢO LONG		24/11/2008	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.25	8	3.2	33.7	470	Đỗ
550329	NGUYỄN TRẦN LONG		02/07/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.25	8.75	6.2	40.2	146	Đỗ
550330	PHẠM NHẬT LONG		17/12/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8.5	8.25	6.3	39.8	165	Đỗ
550333	CHU NGỌC MINH LONG		24/09/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7	8	7.7	37.7	272	Đỗ
550334	ĐẶNG VĂN LỢI		22/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.5	8	8.1	39.1	203	Đỗ
550337	VŨ THỊ HỒNG LỰA	X	06/08/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8	6.5	3.2	32.2	519	Đỗ
550338	LƯƠNG THẾ LỰC		28/08/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.25	8	3.6	34.1	452	Đỗ
550339	ĐẶNG KHÁNH LY	X	15/10/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.5	7.75	3.2	33.7	470	Đỗ
550340	NGUYỄN PHƯƠNG LY	X	05/04/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	7.25	8.25	4.4	35.4	379	Đỗ
550341	BÙI THỊ HƯƠNG LY	X	31/03/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	7.75	7.75	7.1	38.1	250	Đỗ
550342	PHẠM THỊ KHÁNH LY	X	10/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	5.75	4.8	32.3	513	Đỗ
550343	TRẦN THỊ KHÁNH LY	X	30/03/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.75	7.5	8.3	40.8	120	Đỗ
550344	PHẠM THỊ PHƯƠNG LY	X	07/02/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8.5	8.25	5.9	39.4	187	Đỗ
550345	HOÀNG HIỀN MAI	X	18/10/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	8.75	9	9.5	45	12	Đỗ
550346	PHẠM THANH MAI	X	15/08/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8.5	8.25	7.4	40.9	115	Đỗ
550347	HOÀNG THỊ PHƯƠNG MAI	X	28/12/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	0	8	8.5	4.1	37.1	304	Đỗ
550348	PHẠM THỊ THANH MAI	X	21/01/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8.5	7	7.4	38.4	238	Đỗ
550351	PHẠM ĐỨC MẠNH		13/09/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.5	8.25	8.5	42	72	Đỗ
550353	ĐẶNG TUẤN MINH		11/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	7.75	7.5	39.5	180	Đỗ
550354	LƯƠNG DUY MINH		07/08/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	7.5	7.25	4.8	34.3	440	Đỗ
550357	NGUYỄN TIẾN MINH		03/07/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.75	7.75	8.4	39.4	187	Đỗ
550358	NGUYỄN TUẤN MINH		08/01/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	7.5	6.75	5.6	34.1	452	Đỗ
550359	PHAN HOÀNG MINH	X	13/01/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	8	9.25	9.9	44.4	20	Đỗ
550360	VŨ GIA MINH		24/10/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	7.75	7.5	7.5	38	258	Đỗ
550361	ĐOÀN THỊ BÌNH MINH	X	29/12/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.5	8.25	8.5	42	72	Đỗ

550362	VŨ THỊ NHẬT MINH	X	29/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	9	9.2	44.7	16	Đỗ
550364	MAI THẢO MY	X	02/02/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	7.5	7.75	7.4	37.9	261	Đỗ
550365	NGUYỄN TRÀ MY	X	13/08/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	0	7.5	7.75	4	34.5	431	Đỗ
550366	NGUYỄN TRÀ MY	X	05/09/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	7.75	8.25	3.4	35.4	379	Đỗ
550367	TRỊNH TRÀ MY	X	22/03/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	8	6.25	3.6	32.1	524	Đỗ
550369	VŨ TRÀ MY	X	08/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	7.5	5.4	36.9	316	Đỗ
550370	ĐINH THỊ DIỄM MY	X	05/12/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	7.75	7.5	6.6	37.1	304	Đỗ
550371	PHẠM THỊ THẢO MY	X	31/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	9	6.9	42.4	63	Đỗ
550372	PHAN THỊ TIÊU MY	X	14/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	8.25	7.1	39.1	203	Đỗ
550373	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	X	16/06/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	8	8.25	7.9	40.4	137	Đỗ
550375	ĐỖ THÀNH NAM		23/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	8.25	9.5	42	72	Đỗ
550376	NGUYỄN BẢO NAM		22/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	8	6.5	40	156	Đỗ
550377	NGUYỄN HOÀI NAM		13/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	7	4	33.5	478	Đỗ
550378	NGUYỄN NGỌC NAM		13/04/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.5	7	6	35	402	Đỗ
550379	NGUYỄN NHẬT NAM		16/05/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	7.75	9	9.2	42.7	51	Đỗ
550380	NGUYỄN THÀNH NAM		28/01/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.75	6.5	6.8	35.3	385	Đỗ
550381	NGUYỄN TUẤN NAM		04/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	7.5	4.5	36.5	334	Đỗ
550382	PHẠM HẢI NAM		26/08/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.75	6.5	6.5	35	402	Đỗ
550383	TỔNG BẢO NAM		18/12/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	8.5	8.25	8.9	42.4	63	Đỗ
550384	PHAN DƯƠNG THÀNH NAM		22/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	9.5	7.7	42.7	51	Đỗ
550385	VŨ THỊ NGUYỆT NGA	X	11/12/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8	9	8.7	42.7	51	Đỗ
550386	LÊ THỊ THANH NGA	X	10/11/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.5	8	8.4	41.4	96	Đỗ
550387	ĐẶNG THANH NGÂN	X	21/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	7.5	6.6	39.1	203	Đỗ
550390	NGUYỄN THANH NGÂN	X	30/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9.25	8.5	9.5	45	12	Đỗ
550391	NGUYỄN TRANG NGÂN	X	10/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9.25	9.25	8.6	45.6	8	Đỗ
550392	TRẦN BẢO NGÂN	X	01/03/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	8.25	8.25	6.4	39.4	187	Đỗ
550393	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	X	13/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	5	5.3	31.8	537	Đỗ
550395	LƯƠNG XUÂN NGHĨA		06/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	5.25	4.9	31.9	533	Đỗ

550396	NGUYỄN VĂN NGHĨA		24/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	7.5	4.3	35.3	385	Đỗ
550397	ĐẶNG KHÁNH NGỌC	X	13/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	8.25	5.6	38.1	250	Đỗ
550398	NGUYỄN HƯƠNG NGỌC	X	06/11/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	9	8.75	6.2	41.7	84	Đỗ
550399	PHẠM HỒNG NGỌC	X	29/08/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	7	7.75	4.6	34.1	452	Đỗ
550400	PHẠM THỊ NGỌC	X	08/05/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	8	8.75	9.4	42.9	46	Đỗ
550401	TỔNG BẢO NGỌC	X	22/09/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	8.5	7.75	8.2	40.7	123	Đỗ
550402	VŨ XUÂN NGỌC	X	13/11/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	7.75	8.25	3.5	35.5	375	Đỗ
550403	ĐINH THỊ BẢO NGỌC	X	29/11/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	8	7.75	5.4	36.9	316	Đỗ
550404	ĐỖ THỊ BẢO NGỌC	X	24/06/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	7.25	7.5	5.8	35.3	385	Đỗ
550405	TRỊNH HOÀNG BẢO NGỌC	X	04/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	5.5	5.8	32.3	513	Đỗ
550406	ĐINH THỊ BÍCH NGỌC	X	09/11/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	8.75	8.75	6.1	41.1	108	Đỗ
550407	ĐẶNG VĂN NGUYỄN		19/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9	8.25	7.8	42.3	68	Đỗ
550408	ĐINH CÔNG NGUYỄN		08/09/2009	Trường THCS Xuân Hòa	0	7.75	8.75	6.2	39.2	196	Đỗ
550411	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN		03/06/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	6	7.75	7.4	34.9	408	Đỗ
550412	TRẦN KHÔI NGUYỄN		28/10/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.5	8.25	3.8	37.3	290	Đỗ
550413	VŨ HOÀNG NGUYỄN		02/03/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8.25	7.25	4.6	35.6	370	Đỗ
550414	PHẠM MINH NGUYỆT	X	14/09/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8.25	8.25	3.8	36.8	321	Đỗ
550415	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	X	16/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	9	6.1	40.6	127	Đỗ
550416	LƯƠNG TRỌNG NHÂN		17/01/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	6.75	8.25	4.2	34.2	444	Đỗ
550419	PHẠM MINH NHẬT	X	14/09/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8.75	7.5	5.4	37.9	261	Đỗ
550420	TRỊNH LONG NHẬT		15/08/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	7.5	8	3.8	34.8	411	Đỗ
550421	PHAN NGUYỄN LONG NHẬT		09/11/2009	Trường THCS Xuân Phương	0	8	7.75	5.9	37.4	283	Đỗ
550423	ĐỖ YẾN NHI	X	22/11/2009	THCS Hoàng Liệt	0	9	8.5	8.2	43.2	41	Đỗ
550424	HÀ YẾN NHI	X	30/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	9.5	7.8	43.8	30	Đỗ
550425	LÊ HÀ NHI	X	29/10/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.5	8.25	5.8	39.3	192	Đỗ
550426	LÊ UYÊN NHI	X	05/09/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trườn	0	7.75	8.25	6.4	38.4	238	Đỗ
550428	MAI UYÊN NHI	X	06/05/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	7	7.25	6	34.5	431	Đỗ
550429	NGUYỄN NGỌC NHI	X	24/07/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8.5	8.25	7.9	41.4	96	Đỗ

550430	NGUYỄN ĐÀM HUYỀN NHI	X	16/08/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	9	8.25	8.3	42.8	48	Đỗ
550431	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	X	01/07/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.75	6.25	4	32	527	Đỗ
550432	ĐINH TÚ NHIÊN	X	12/01/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	6.25	7.25	6.2	33.2	489	Đỗ
550433	PHẠM THỊ DIỄM NHUNG	X	03/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9	8.25	7.5	42	72	Đỗ
550434	PHẠM THỊ TUYẾT NHUNG	X	25/12/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.25	6.5	2.4	31.9	533	Đỗ
550435	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	X	14/08/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.25	7.75	4.1	36.1	354	Đỗ
550436	ĐINH THỊ QUỲNH NHƯ	X	18/11/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.25	8.25	7.2	40.2	146	Đỗ
550437	LÊ THỊ KIM OANH	X	25/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	9	8.1	43.6	33	Đỗ
550438	ĐỖ HOÀNG PHÁT		20/10/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8	8.25	8.2	40.7	123	Đỗ
550439	PHAN TẤN PHÁT		09/07/2009	Trường THCS Xuân Phương	0	7	8.25	3.8	34.3	440	Đỗ
550440	PHẠM THÀNH PHÁT		17/03/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.25	9.5	7.4	42.9	46	Đỗ
550441	NGUYỄN HOÀNG PHONG		18/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	8.25	6.4	38.4	238	Đỗ
550443	PHẠM NAM PHONG		27/10/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	7.75	8	4	35.5	375	Đỗ
550444	NGUYỄN TRƯỜNG PHÚC		10/10/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	8	8.25	7.7	40.2	146	Đỗ
550445	ĐINH THU PHƯƠNG	X	16/07/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	8	8.25	7.6	40.1	152	Đỗ
550446	NGUYỄN KHÁNH PHƯƠNG		30/07/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8	8	4.6	36.6	329	Đỗ
550449	PHẠM THỊ PHƯƠNG	X	06/06/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	8	6.5	5.5	34.5	431	Đỗ
550450	TRỊNH MAI PHƯƠNG	X	20/01/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	8.25	8	9.6	42.1	71	Đỗ
550454	VŨ THU PHƯƠNG	X	29/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	8.25	6.1	40.1	152	Đỗ
550455	NGUYỄN LÊ HÀ PHƯƠNG	X	05/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	7.75	7.8	40.3	143	Đỗ
550456	ĐÀO THỊ HOÀI PHƯƠNG	X	21/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	8.25	7.1	40.1	152	Đỗ
550457	PHẠM THỊ MAI PHƯƠNG	X	04/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	8.25	8.5	42.5	60	Đỗ
550458	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	X	18/05/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.5	8.25	7.5	41	113	Đỗ
550460	NGUYỄN TRƯỜNG PHƯỚC		24/09/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	7.75	8.5	8.8	41.3	102	Đỗ
550461	ĐẶNG KHÁNH PHƯƠNG	X	26/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.5	6.75	5	33.5	478	Đỗ
550463	NGUYỄN MẠNH QUANG		02/08/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.25	8.5	5.4	38.9	216	Đỗ
550465	PHAN VĂN QUANG		17/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	7.5	8.9	41.4	96	Đỗ
550467	PHẠM THÁI QUANG		01/12/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	0	7.75	6.75	4.2	33.2	489	Đỗ

550468	BÙI MINH QUÂN		23/09/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8	8.25	5.3	37.8	268	Đỗ
550469	LƯƠNG MINH QUÂN		10/06/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	8.25	6.75	7.1	37.1	304	Đỗ
550472	NGUYỄN MINH QUÂN		30/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	7.75	4.9	36.4	338	Đỗ
550473	PHAN ANH QUÂN		02/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	8.25	2.3	36.3	345	Đỗ
550474	PHAN MINH QUÂN		28/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	7.5	5	37.5	279	Đỗ
550475	TRẦN MINH QUÂN		25/08/2009	Trường THCS Xuân Phương	0	7.5	7.25	3.9	33.4	483	Đỗ
550477	PHẠM THỊ LỆ QUYÊN	X	15/03/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	8	7.25	7.7	38.2	245	Đỗ
550478	NGUYỄN VŨ QUÝ		01/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	8	5.3	37.3	290	Đỗ
550479	PHAN HOÀNG NGỌC QUÝ		27/09/2009	Trường THCS Xuân Phương	0	8.25	6.25	3	32	527	Đỗ
550480	BÙI THỊ QUỲNH	X	30/01/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	7.75	6.75	4.9	33.9	462	Đỗ
550481	HOÀNG NHƯ QUỲNH	X	27/05/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	0	7.5	7.75	3.9	34.4	437	Đỗ
550482	PHAN NHƯ QUỲNH	X	25/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	9.25	6.9	41.9	77	Đỗ
550483	PHAN NHƯ QUỲNH	X	29/09/2009	Trường THCS Xuân Phương	0	8.25	7.5	3.7	35.2	394	Đỗ
550485	PHẠM ĐIỂM QUỲNH	X	24/01/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	7	6.75	4.4	31.9	533	Đỗ
550489	PHẠM THANH SANG		26/06/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8	9.25	5.4	39.9	161	Đỗ
550492	BÙI QUANG SÁNG		23/11/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.25	8.25	7.9	40.9	115	Đỗ
550493	TRỊNH GIÁNG SƠN	X	01/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	8.25	8.8	42.8	48	Đỗ
550494	ĐINH TRƯỜNG SƠN		01/11/2009	Trường THCS Xuân Phương	0	8.75	7	6.4	37.9	261	Đỗ
550495	MAI TRUNG SƠN		15/11/2009	Trường THCS Xuân Ninh	0	7.25	8.25	7.1	38.1	250	Đỗ
550496	NGUYỄN VIỆT SƠN		25/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9	9.5	9.3	46.3	3	Đỗ
550497	PHẠM HUY SƠN		18/04/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9.25	9	7.5	44	26	Đỗ
550498	MAI NGỌC TÀI		18/06/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	7.5	7.5	4.7	34.7	422	Đỗ
550499	NGUYỄN THANH TÂM	X	14/02/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	9	9	5.4	41.4	96	Đỗ
550500	TRẦN MINH TÂM		07/11/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8	8	7	39	213	Đỗ
550501	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	X	30/06/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.5	8.75	9.8	44.3	21	Đỗ
550502	PHAN VŨ THANH TÂM	X	09/10/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	8.5	8.25	9	42.5	60	Đỗ
550504	PHẠM NGỌC TẤN		07/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	9.25	7.9	41.9	77	Đỗ
550506	NGUYỄN ĐÌNH THÁI		11/01/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.5	8.75	6.4	38.9	216	Đỗ

550508	ĐÀO NGỌC THÀNH		06/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	8	8.7	41.7	84	Đỗ
550511	NGUYỄN VIỆT THÀNH		30/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	7.75	8.2	41.2	104	Đỗ
550513	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	X	27/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	6.25	5.2	33.2	489	Đỗ
550514	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	X	14/11/2009	Trường THCS Xuân Ninh	0	8	7.75	4.7	36.2	348	Đỗ
550515	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	X	11/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	8.5	8.7	43.2	41	Đỗ
550516	TRẦN PHƯƠNG THẢO	X	03/09/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8.75	8	7.9	41.4	96	Đỗ
550517	TRẦN THANH THẢO	X	21/02/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8.5	5.5	6.6	34.6	428	Đỗ
550518	VŨ PHƯƠNG THẢO	X	22/06/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8.5	8	7.2	40.2	146	Đỗ
550520	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	X	05/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9	7.25	7.5	40	156	Đỗ
550522	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	X	11/12/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8.75	8.25	5.7	39.7	169	Đỗ
550523	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	X	18/05/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	7.25	9	5.6	38.1	250	Đỗ
550524	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	X	20/02/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8.25	8.25	5.6	38.6	227	Đỗ
550525	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	X	03/04/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8.25	9	7	41.5	91	Đỗ
550527	ĐINH VĂN THẮNG		23/01/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	8.25	8	4.6	37.1	304	Đỗ
550528	MAI QUANG THẮNG		25/01/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	8.25	8.5	5	38.5	231	Đỗ
550529	NGUYỄN MẠNH THẮNG		14/09/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	5.75	7.75	5.4	32.4	509	Đỗ
550530	TRẦN VIỆT THẮNG		07/03/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	7.5	8.25	8	39.5	180	Đỗ
550532	NGUYỄN ĐỨC THÊ		10/04/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	6.75	8	6	35.5	375	Đỗ
550533	VŨ ANH THI		12/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	8	5	37.5	279	Đỗ
550534	MAI ANH THIÊN		22/02/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	8	6.75	4.2	33.7	470	Đỗ
550535	NGÔ ĐỨC THIÊN		19/06/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	7.5	9	5.3	38.3	243	Đỗ
550537	ĐỖ VĂN THIỆN		21/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.5	6.5	6.2	34.2	444	Đỗ
550538	PHẠM PHÚC THIỆN		30/08/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	7.25	8	9.6	40.1	152	Đỗ
550539	NGUYỄN ĐỨC THỊNH		05/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	8.5	5.2	37.7	272	Đỗ
550541	NGUYỄN TIẾN THỊNH		25/08/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	8.5	6.5	8	38	258	Đỗ
550542	TRẦN TÁT THỊNH		19/10/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	8.25	8	9.4	41.9	77	Đỗ
550543	CHU THỊ BẢO THOẠI	X	28/07/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.25	6	3.7	32.2	519	Đỗ
550545	ĐẶNG TRUNG THÔNG		02/09/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	7.25	8	3.6	34.1	452	Đỗ

550546	ĐỖ THỊ HỒNG THƠ	X	25/05/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	7.75	6	6	33.5	478	Đỗ
550547	VŨ DIỆU THU	X	16/09/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	8.25	8	5.4	37.9	261	Đỗ
550548	VŨ THỊ THU	X	01/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	7.5	4.3	35.8	362	Đỗ
550549	NGUYỄN ĐỨC THUẬN		15/02/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8	7.75	4.2	35.7	365	Đỗ
550550	NGUYỄN VĂN THUẬN		17/05/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.5	7.25	4.4	33.9	462	Đỗ
550551	NGUYỄN THỊ HỒNG THUẬN	X	21/09/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	0	8	7.5	5.3	36.3	345	Đỗ
550553	NGUYỄN THANH THÚY	X	11/07/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	7.75	7.75	5.8	36.8	321	Đỗ
550555	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	X	29/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	7.5	4.6	35.6	370	Đỗ
550556	VŨ PHƯƠNG THÙY	X	19/10/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8	8	7.7	39.7	169	Đỗ
550557	VŨ PHƯƠNG THÙY	X	20/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	5.25	6.6	33.6	473	Đỗ
550558	DƯƠNG PHÚC THỦY		27/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	8	3.2	34.7	422	Đỗ
550560	ĐẶNG MINH THƯ	X	01/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	8.75	6.9	41.9	77	Đỗ
550561	ĐINH KIM THƯ	X	18/11/2009	Trường THCS Xuân Phương	0	8.75	6.75	7.1	38.1	250	Đỗ
550562	LƯƠNG ANH THƯ	X	16/10/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	8	7.75	6.4	37.9	261	Đỗ
550563	NGUYỄN MINH THƯ	X	16/04/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8	6.5	4.2	33.2	489	Đỗ
550564	NGUYỄN MINH THƯ	X	26/04/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	8	5.2	36.7	327	Đỗ
550565	PHẠM ANH THƯ	X	17/01/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	8	8.5	7.4	40.4	137	Đỗ
550566	TRẦN ANH THƯ	X	09/05/2009	Trường THCS Xuân Ninh	0	8	6.75	5.9	35.4	379	Đỗ
550568	VŨ ANH THƯ	X	20/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	7.75	6.8	37.8	268	Đỗ
550569	ĐINH THỊ ANH THƯ	X	15/07/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	8.75	6.5	4.8	35.3	385	Đỗ
550570	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	X	25/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	7.25	6.4	38.4	238	Đỗ
550571	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	X	24/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9	8	8	42	72	Đỗ
550572	HOÀNG THỊ ÁNH THƯ	X	23/11/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	0	8.25	7.5	4	35.5	375	Đỗ
550573	ĐỖ THỊ MINH THƯ	X	08/01/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.25	7.75	7.7	39.7	169	Đỗ
550574	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	X	15/07/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.75	8	9.1	42.6	56	Đỗ
550575	VŨ THỊ MINH THƯ	X	31/01/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.75	8	3.6	37.1	304	Đỗ
550576	VƯƠNG MAI MINH THƯ	X	07/08/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.5	5.25	7.6	35.1	398	Đỗ
550577	NGUYỄN PHẠM HÀ THƯƠNG	X	16/12/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8.25	6.75	1.8	31.8	537	Đỗ

550578	PHẠM NGUYỄN HÀ THƯƠNG	X	26/08/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.75	7.75	6	37	312	Đỗ
550579	VŨ THỊ HUYỀN THƯƠNG	X	24/09/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	8.5	6.6	40.6	127	Đỗ
550581	PHẠM NGỌC THỦY TIÊN	X	12/01/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	8	7	3.1	33.1	497	Đỗ
550582	ĐÀO VIỆT TIẾN		27/02/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	7.25	6.25	8.9	35.9	357	Đỗ
550583	NGÔ XUÂN TIẾN		10/12/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	7.25	7.5	6.4	35.9	357	Đỗ
550585	PHẠM ANH TIẾN		08/01/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	8	7.5	5.8	36.8	321	Đỗ
550586	PHẠM VIỆT TIẾN		22/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	8.25	2.8	34.8	411	Đỗ
550587	VŨ VIỆT TIẾN		01/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.25	7.5	5	34.5	431	Đỗ
550589	ĐINH NHẬT TIỆP		21/01/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	7.5	7.5	4	34	457	Đỗ
550590	VŨ DUY TIỆP		05/09/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8	6.25	5.9	34.4	437	Đỗ
550591	BÙI MẠNH TOÀN		10/06/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	7.75	8.25	7.5	39.5	180	Đỗ
550592	PHẠM ĐỨC TOÀN		12/09/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	8.5	8	9.5	42.5	60	Đỗ
550593	TRỊNH QUỐC TOẢN		11/10/2008	Trường THCS Xuân Tiến	0	7.75	6.25	3.8	31.8	537	Đỗ
550594	BÙI HUYỀN TRANG	X	29/09/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	0	7.25	6.25	5.2	32.2	519	Đỗ
550595	LÊ YẾN TRANG	X	09/08/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	9	7.5	6.8	39.8	165	Đỗ
550596	MAI THỦY TRANG	X	21/12/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	8.5	5.5	5.9	33.9	462	Đỗ
550597	NGUYỄN MINH TRANG	X	20/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	8.5	9.2	43.7	31	Đỗ
550598	NGUYỄN MINH TRANG	X	20/12/2009	Trường THCS Xuân Đình	0	7.25	6.75	5.6	33.6	473	Đỗ
550599	NGUYỄN QUỲNH TRANG	X	28/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	7.75	5	36	355	Đỗ
550600	NGUYỄN QUỲNH TRANG	X	09/02/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	8.5	8.75	6.8	41.3	102	Đỗ
550601	NGUYỄN THU TRANG	X	17/10/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	7.75	8.25	7	39	213	Đỗ
550602	TRỊNH THU TRANG	X	01/10/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	8	8.25	6.6	39.1	203	Đỗ
550603	VŨ THU TRANG	X	05/10/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.25	7.25	6.2	37.2	300	Đỗ
550604	VŨ HUYỀN TRANG	X	25/01/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	0	8.25	7	3.8	34.3	440	Đỗ
550605	VŨ THU TRANG	X	16/10/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.5	7	5.7	36.7	327	Đỗ
550606	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	X	12/09/2009	Trường THCS Xuân Trường	0	9	7	7.1	39.1	203	Đỗ
550607	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	X	24/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	8.25	5.9	38.4	238	Đỗ
550609	NGÔ THỊ THU TRANG	X	25/03/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8	4.75	7.2	32.7	504	Đỗ

550610	TRẦN THỊ THÙY TRANG	X	17/08/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8	8	4.2	36.2	348	Đỗ
550611	BÙI THỊ YẾN TRANG	X	30/01/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.25	6.75	5.2	35.2	394	Đỗ
550612	ĐỖ QUỲNH TRÂM	X	29/09/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	7.75	8	5.5	37	312	Đỗ
550613	ĐẶNG THỊ NGỌC TRÂM	X	16/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	5.75	4.5	32	527	Đỗ
550615	NGUYỄN ĐẶNG THÙY TRÂM	X	15/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	7	5.8	37.3	290	Đỗ
550616	HOÀNG NGỌC BẢO TRÂN	X	15/08/2009	Trường THCS Xuân Phương	0	8.75	8.5	5.2	39.7	169	Đỗ
550618	ĐẶNG HUYỀN TRINH	X	19/07/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9	9.5	9.8	46.8	2	Đỗ
550619	ĐOÀN VIỆT TRINH	X	21/07/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	9	7	8.7	40.7	123	Đỗ
550620	VŨ PHẠM MAI TRINH	X	02/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	9	7.8	42.8	48	Đỗ
550621	PHẠM MINH TRÍ		22/12/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8	9	8.6	42.6	56	Đỗ
550622	ĐỖ THÀNH TRUNG		31/07/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	7.75	9	6	39.5	180	Đỗ
550623	NGUYỄN MINH TRUNG		25/07/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	7.5	9.25	9.6	43.1	43	Đỗ
550624	PHẠM THÀNH TRUNG		20/09/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	6.25	9	4.6	35.1	398	Đỗ
550626	VŨ QUỐC TRUNG		15/08/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8	7.5	7.8	38.8	220	Đỗ
550627	NGUYỄN THANH TRÚC	X	06/11/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.5	7.5	6.9	38.9	216	Đỗ
550628	NGUYỄN VŨ THANH TRÚC	X	05/08/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	9.25	6.7	41.7	84	Đỗ
550629	LƯƠNG THỊ THIÊN TRÚC	X	03/10/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	7.75	8.25	7.2	39.2	196	Đỗ
550630	MAI PHÚC TRƯỜNG		04/07/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	6.75	6.5	5.9	32.4	509	Đỗ
550631	NGUYỄN VŨ TRƯỜNG		16/02/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	8.25	7.3	39.8	165	Đỗ
550632	PHAN QUỐC TRƯỜNG		07/01/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	9.5	8.9	45.4	9	Đỗ
550633	ĐỖ ANH TUẤN		20/02/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	7	7.75	6.1	35.6	370	Đỗ
550634	NGUYỄN ANH TUẤN		02/01/2009	Trường THCS Xuân Thượng	0	7.25	7.25	7.9	36.9	316	Đỗ
550635	NGUYỄN ĐỨC TUẤN		16/12/2009	Trường THCS Xuân Thủy	0	8.5	8	7.6	40.6	127	Đỗ
550636	ĐẶNG MINH TUỆ		05/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	8.25	7.3	39.8	165	Đỗ
550640	ĐINH CÔNG TUYỀN		29/10/2009	Trường THCS Xuân Vinh	0	7.75	7	5.1	34.6	428	Đỗ
550641	ĐẶNG XUÂN TÚ		22/06/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	7.75	8.25	2.8	34.8	411	Đỗ
550643	NGUYỄN MINH TÚ		20/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	8	5.7	38.2	245	Đỗ
550644	NGUYỄN TUẤN TÚ		15/02/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	7.25	8.75	7.4	39.4	187	Đỗ

550645	NGUYỄN TUẤN TÚ		28/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.25	8	6.7	39.2	196	Đỗ
550646	NGUYỄN VĂN TÚ		28/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.5	7.25	5.1	34.6	428	Đỗ
550650	TRẦN THỊ KIM TƯƠI	X	03/07/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8.5	8.25	8.1	41.6	88	Đỗ
550651	ĐỖ TÚ UYÊN	X	19/04/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	7.75	6.5	7.3	35.8	362	Đỗ
550654	ĐÀO THỊ THẢO UYÊN	X	04/03/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8.25	8	8.1	40.6	127	Đỗ
550657	PHAN THỊ TỔ UYÊN	X	26/10/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	6.5	8	4.6	33.6	473	Đỗ
550658	LÊ THÚY VÂN	X	11/05/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	9	8.25	5.9	40.4	137	Đỗ
550659	MAI THÚY VÂN	X	11/11/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	6.5	8	5	34	457	Đỗ
550661	ĐỖ THỊ HỒNG VÂN	X	22/08/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	7.75	7.5	4.8	35.3	385	Đỗ
550662	NGUYỄN THỊ MỸ VÂN	X	20/05/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.5	7.75	8.3	40.8	120	Đỗ
550663	TỔNG THỊ THANH VÂN	X	09/03/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	8.75	9.5	9.7	46.2	4	Đỗ
550664	ĐINH KHÁNH VI	X	10/07/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	7.75	7.25	4	34	457	Đỗ
550665	BÙI TUẤN VIỆT		02/10/2009	Trường THCS thị trấn Xuân Trường	0	7.75	7.25	5	35	402	Đỗ
550666	ĐỖ DUY VIỆT		07/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	8	4.4	36.4	338	Đỗ
550667	PHẠM THÀNH VIỆT		14/10/2009	Trường THCS Xuân Phong	0	8.5	9.75	7.5	44	26	Đỗ
550668	VŨ ĐỨC VIỆT		03/09/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8.25	7.5	6.7	38.2	245	Đỗ
550670	PHẠM THÀNH VINH		18/02/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	7.75	6.5	7.9	36.4	338	Đỗ
550672	TRỊNH QUANG VINH		31/07/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	7.5	9	7.4	40.4	137	Đỗ
550673	TRỊNH THẾ VĨ		05/03/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	8	6.5	3.2	32.2	519	Đỗ
550675	LÊ MINH VŨ		08/03/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	7	6.5	6.2	33.2	489	Đỗ
550676	NGUYỄN MINH VŨ		02/04/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8	7.5	6.7	37.7	272	Đỗ
550678	VŨ HOÀNG VŨ		22/09/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	7.5	7.25	7.1	36.6	329	Đỗ
550680	ĐỖ TƯỜNG VY	X	29/09/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.25	7.75	3.6	35.6	370	Đỗ
550681	NGÔ PHƯƠNG VY	X	04/10/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	8	7.5	6.9	37.9	261	Đỗ
550682	PHẠM PHƯƠNG VY	X	10/11/2009	Trường THCS Xuân Châu	0	8.25	7.5	4.8	36.3	345	Đỗ
550683	PHẠM TRÀ VY	X	20/08/2009	Trường THCS Xuân Ninh	0	8.25	6.25	6.7	35.7	365	Đỗ
550684	TRỊNH HOÀI VY	X	28/01/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	7.75	7.75	6.4	37.4	283	Đỗ
550685	VŨ THANH VY	X	20/11/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8.5	6.5	7.3	37.3	290	Đỗ

550686	VŨ YẾN VY	X	20/03/2009	Trường THCS Xuân Thành	0	8.25	8.75	9.5	43.5	36	Đỗ
550687	TRẦN NGỌC ÁNH VY	X	10/02/2009	Trường THCS Xuân Phương	0	8.25	7.75	6.6	38.6	227	Đỗ
550689	PHẠM THỊ HÀ VY	X	13/08/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	8	8	8.6	40.6	127	Đỗ
550690	MAI THỊ HIỀN VY	X	21/07/2009	Trường THCS Xuân Tiến	0	8	7.5	6.3	37.3	290	Đỗ
550691	ĐỖ LÊ NHẬT VY	X	03/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	9.25	8.5	8.8	44.3	21	Đỗ
550692	VŨ THỊ HỒNG XUYẾN	X	05/08/2009	Trường THCS Xuân Ngọc	0	7.75	8	8.4	39.9	161	Đỗ
550693	NGUYỄN HẢI YẾN	X	23/03/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8.75	9.25	9.1	45.1	10	Đỗ
550694	PHẠM HẢI YẾN	X	01/11/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.75	6.5	5.8	34.3	440	Đỗ
550696	TRẦN BẢO YẾN	X	23/10/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.25	8.25	8.1	41.1	108	Đỗ
550697	BÙI ĐOÀN HẢI YẾN	X	24/08/2009	Trường THCS Xuân Kiên	0	7.25	8.25	4.4	35.4	379	Đỗ
550698	BÙI THỊ HẢI YẾN	X	27/10/2009	Trường THCS Xuân Bắc	0	8.25	6.5	5.2	34.7	422	Đỗ
550699	ĐẶNG THỊ HẢI YẾN	X	22/12/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	7.5	8	6.4	37.4	283	Đỗ
550700	NGUYỄN ĐỖ HẢI YẾN	X	11/06/2009	Trường THCS Đặng Xuân Khu	0	8	8	6	38	258	Đỗ

Xuân Trường, ngày 18/6/2024

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Châu